

Bản án số: 14/2024/KDTM-PT

Ngày: 13-6-2024

V/v: "Tranh chấp hợp đồng  
Bảo hiểm"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thúy Năng.

**Các Thẩm phán:** Ông Lê Tự Sinh

Bà Trần Thị Bé

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Minh An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:** Ông Nguyễn Văn Nóp - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2024/TLPT- KDTM ngày 08 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2024/KDTM ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 88/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 189/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần D5 (H2); trụ sở: 60 đường N, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Xuân N - Tổng Giám đốc H3. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q- Luật sư Công ty L2; địa chỉ: A T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Tổng Công ty H3; trụ sở: Số G, Phố L, phường P, quận H, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng T- Quyền Tổng Giám đốc Tổng Công ty H3. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền gồm có: Ông Dương Thành Q1- Giám đốc Ban Kiểm soát tuân thủ - Pháp chế (vắng mặt); ông Vương Việt Đ- Giám đốc Ban Giám định bồi thường tài sản kỹ thuật; ông Âu Xuân Á- Phó Giám đốc Ban Kiểm soát tuân thủ - Pháp chế; ông Bùi Minh T1- Phó Giám đốc Ban Giám định bồi thường Tài sản Kỹ thuật; ông Phan D - Chuyên viên Ban Kiểm soát tuân thủ - Pháp chế; bà Nguyễn Thị Lan P- Chuyên viên Ban Giám định bồi thường Tài sản

kỹ thuật và ông **Võ Văn D1**-Trưởng Phòng Kiểm tra Pháp chế **Công ty H3** (Giấy ủy quyền số 3049/UQBHBV ngày 11/6/2024 của ông **Nguyễn Hồng T** - Quyền Tổng Giám đốc **Tổng Công ty H3** (tất cả đều có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà **Thẩm Hồng H** - Luật sư thuộc **Công ty L3**; trụ sở: **Số G Ngõ H đường P, phường Q, quận Đ, Thành phố Hà Nội**. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 **Công ty Cổ phần G**; địa chỉ: **Số E, ngõ A T, tổ C, phường Q, quận Đ, Thành phố Hà Nội**

*Đại diện theo pháp luật:* Ông **Nguyễn Thế T2**- Giám đốc. Có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Nguyễn Văn H1** - Giám định viên (Giấy ủy quyền ngày 12/6/2024 của Giám đốc Công ty); có mặt.

3.2 **Công ty H3**; trụ sở: **I T, quận H, thành phố Đà Nẵng** Vắng mặt.

3.3 Ông **Nguyễn Minh T3** Trưởng Phòng Khách hàng **Công ty H3** Địa chỉ: **I T, quận H, thành phố Đà Nẵng**; có mặt.

3.4 Bà **Nguyễn Thị Kim L** Kế toán trưởng **Công ty Cổ phần D5** địa chỉ: **F M, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng**; có mặt.

4. *Người kháng cáo:* **Tổng Công ty H3** là bị đơn trong vụ án.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

\* *Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn* **Công ty Cổ phần D5** là bà **Phạm Thị Xuân N** trình bày:

**Công ty Cổ phần D5 (H2)** chuyên sản xuất hàng dệt may, gia công hàng may mặc xuất khẩu cho các đối tác trong và ngoài nước. Trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công hàng may mặc, xuất khẩu, tất cả hàng hoá là nguyên liệu, phụ liệu được **H2** thực hiện thủ tục nhập khẩu trực tiếp để sản xuất ra thành phẩm là hàng may mặc và xuất khẩu cho đối tác để thực hiện hợp đồng gia công. Để có thể tạo ra một sản phẩm may mặc hoàn chỉnh xuất khẩu thì phải trải qua nhiều công đoạn nên bắt buộc **H2** phải có trách nhiệm quản lý và mua bảo hiểm bắt buộc thì đối tác mới chấp nhận ký hợp đồng giao nguyên phụ liệu cho Công ty chúng tôi sản xuất, gia công.

Ngày 22/9/2022 **Công ty Cổ phần D5** đã ký “Hợp đồng bảo hiểm cháy nổ và mở rộng mọi rủi ro tài sản số DAN.D16.PD.22.HD.062 (IJ: 5969366)” với **Công ty H3** thuộc **Tổng Công ty H3 (Bảo hiểm B** cho đối tượng được bảo hiểm là “Tòa nhà, máy móc thiết bị, hàng hóa”; tài sản được bảo hiểm là “Nhà cửa, vật kiến trúc; Máy móc, thiết bị sản xuất; Hàng hóa” của Công ty. Tổng số tiền bảo hiểm là 402.604.123.637đ, trong đó có 227.700.000.000đ là số tiền bảo hiểm cho hàng hóa. Tổng phí thanh toán cho các tài sản được bảo hiểm nêu trên là 885.729.072đ.

Ngày 14/10/2022, thành phố Đà Nẵng bị ngập lụt toàn thành phố do hậu quả của trận mưa lịch sử gây thiệt hại lớn cho các cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn trong đó có H2.

Khi xảy ra sự cố, ban đầu **Công ty H3** đến kiểm tra, chụp ảnh hiện trường, sau đó Bảo hiểm Bảo Vcùng với **Công ty Cổ phần G (Công ty V1** do Bảo hiểm

Bảo V chỉ định đã đến Hachiba xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất gồm nhà xưởng, máy móc và hàng hóa bị tổn thất cả số lượng và chất lượng hàng hóa bị thiệt hại. Theo đó, cả Bảo hiểm Bảo V, Công ty H3 cùng Công ty V1 đều nhận định và kết luận: Phạm vi, trách nhiệm hợp đồng bảo hiểm đối với các hạng mục hàng hóa bị tổn thất là đúng nguyên nhân, đối tượng, tài sản được bảo hiểm để xác định nghĩa vụ bồi thường thiệt hại. Bảo hiểm H3 ghi nhận và thống nhất phương án xử lý tiếp theo theo đề nghị của H2 là chuyển đổi mục đích sử dụng và sản xuất đối với lô hàng hóa bị tổn thất thể theo thiện chí hợp tác và đề xuất của Hachiba nhằm đảm bảo hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại, không phương hại đến quyền lợi của các bên liên quan. Thế nhưng, đáp lại thiện chí của H2 là sự hợp tác bất thành của các đơn vị có liên quan do Bảo hiểm Bảo V cứ đến để mua lại lô hàng hóa kém chất lượng do ít nhiều bị ảnh hưởng bởi lụt.

Hachiba đã thiện chí hợp tác giải quyết vụ việc, nhiều lần đôn đốc cả bằng điện thoại và văn bản hối thúc đề nghị giải quyết bồi thường nhưng Bảo hiểm H3 luôn tìm mọi cách để trì hoãn. Đến ngày 25/4/2023 Công ty H3 cùng Bảo hiểm Bảo V đã có buổi làm việc cùng H2, tại buổi làm việc Bảo hiểm H3 đưa ra lý do nhằm trốn tránh nghĩa vụ bồi thường thiệt hại đối với hàng hóa mà H2 đã tham gia bảo hiểm.

Hachiba mua bảo hiểm hàng hóa để phòng ngừa rủi ro là mua cho toàn bộ hàng hóa có trong các kho được bố trí hiện hữu trong khuôn viên sử dụng của Công ty chúng tôi. Sơ đồ bố trí kho, giá trị hàng hóa mua chi tiết tại các kho đều được đính kèm với hợp đồng, là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng. Khi ký hợp đồng bảo hiểm này, Công ty H3 đã tiến hành khảo sát, thẩm định, kiểm tra hàng hóa, nhà xưởng, thiết bị tại thời điểm ký hợp đồng. Để tổng hợp lên giá trị tài sản hàng hóa được bảo hiểm theo “Danh mục tài sản bảo hiểm” đính kèm Hợp đồng bảo hiểm IJ 5969366 thì hàng hóa bảo hiểm được xác định giá trị chi tiết theo Bảng kê chi tiết hàng hoá theo từng kho.

Giá trị mua bảo hiểm hàng hóa được thực hiện như nhau cho cả nguyên, phụ liệu khách hàng cung cấp và nguyên, phụ liệu Hachiba mua để thực hiện đơn hàng sản xuất. Trong suốt quá trình làm việc khảo sát, thẩm định trước khi ký kết hợp đồng, dẫn đến ký kết hợp đồng và thực hiện hợp đồng bao gồm Giấy chứng nhận bảo hiểm, Danh mục tài sản bảo hiểm, Bảng tổng hợp Hợp đồng bảo hiểm tài sản của Công ty, Bảng kê chi tiết hàng hoá theo từng kho thì Bảo hiểm Bảo V không hề phân biệt/phân loại: Hàng hoá thuộc sở hữu hoặc Hàng hoá gia công, tính theo giá trị hàng hóa mua bảo hiểm có tại các kho của H2.

Tổng giá trị tài sản đã giám định bị tổn thất ban đầu gần 107 tỷ đồng, sau khi nỗ lực cố gắng cứu vớt hàng hóa bằng mọi hình thức như huy động toàn bộ lực lượng cán bộ, công nhân của H2 làm trong giờ, ngoài giờ kể cả ngày lễ, đưa hàng hóa ra bên ngoài xử lý giặt sấy nhằm giảm thiểu thiệt hại thì giá trị hàng hóa bị tổn thất còn lại là 73.872.410.791đ.

Sau khi xem xét các điều kiện, điều khoản của Đơn bảo hiểm đã cấp, Biên bản giám định, hồ sơ yêu cầu bồi thường... Bảo hiêm H3 ban hành Thông báo giải quyết bồi thường lần một ngày 22/12/2022, đã chi trả bồi thường đợt 1 vào ngày 30/12/2022, đợt 2 vào ngày 09/5/2023. Tổng 02 đợt đã chuyển trả bồi thường là

21.558.324.854đ. Số tiền này chỉ mới đủ để Hachiba chi trả tiền công xử lý, giảm thiểu thiệt hại. Việc chậm chi trả tiền bồi thường thiệt hại của Bảo **hiểm H3** đã gây ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của **H2**.

Ngày 12/9/2023 **Công ty V1** có Báo cáo giám định số PAR-2421122, Hachiba thông nhất số tiền thiệt hại mà **Công ty V1** đưa ra trong Báo cáo giám định và không yêu cầu giám định lại thiệt hại. Cụ thể: Hạng mục hàng hoá 72.978.214.185đ, Hạng mục máy móc thiết bị 30.590.116đ, Hạng mục Nhà cửa kiến trúc 64.057.926đ. Tuy nhiên, đối với phần giá trị thu hồi là 16.091.655.005đ tại mục 4 của Báo cáo giám định, Hachiba chỉ đồng ý giá trị thu hồi đối với hàng hoá thuộc sở hữu là 3.100.774.780đ và không đồng ý giá trị thu hồi thiệt hại đối với hàng gia công là 12.990.880.225đ, bởi lẽ: Sau khi thiệt hại xảy ra đối với **H2** đã nhanh chóng đưa ra phương án nhằm giảm thiểu thiệt hại đối với hàng hoá bị tổn thất, đã gửi Văn bản số 128/CV-CT ngày 19/11/2022 đến Bảo **hiểm H3** đề nghị mua lại số hàng hoá bị thiệt hại để chuyển đổi mục đích sử dụng với số tiền là 18.187.100.000đ. Qua trao đổi giữa hai **Công ty H3** đã đề nghị **H2** mua lại lô hàng hoá bị thiệt hại với giá trị là 20.500.000.000đ. Đồng ý với đề nghị của **Bảo hiểm H3, H2** đã đồng ý mua lại giá trị hàng hoá thiệt hại là 20.500.000.000đ với các điều kiện đã nêu tại Văn bản số 136/CV-CT ngày 30/11/2022 của **H2** nhưng Bảo hiểm Bảo V không đồng ý bồi thường bảo hiểm cho **H2**. Ngày 02/6/2023 Bảo hiểm **H3** có Văn bản số 2304/BHBV-GĐBTTSKT trả lời chính thức không bồi thường toàn bộ hàng hoá gia công bị tổn thất và đề nghị giải quyết tranh chấp tại Tòa án.

Hachiba cũng đồng ý mức khấu trừ 5% số tiền tổn thất theo Mức khấu trừ được thể hiện trong Hợp đồng bảo hiểm: Rủi ro bổ sung: 5% số tiền tổn thất, tối thiểu: 10.000.000VND/vụ với số tiền là  $5\% \times (73.072.862.227đ - 3.100.774.780đ) = 3.498.604.372đ$ .

Như vậy, căn cứ vào Hợp đồng bảo hiểm, các tài liệu chứng cứ kèm theo và Báo cáo giám định, **Công ty Cổ phần D5** yêu cầu Tòa án buộc **Tổng Công ty H3** chi trả toàn bộ số tiền bồi thường bảo hiểm còn lại là:  $73.072.862.227đ - 3.100.774.780đ$  (Giá trị thu hồi hàng sở hữu) -  $3.498.604.372đ$  (Mức khấu trừ 5% trên số tiền tổn thất) -  $21.558.324.854$  (Giá trị đã bồi thường) =  $44.915.158.221đ$  và tiền lãi tính 10%/năm từ ngày 30/12/2022 đến ngày 26/02/2024:  $5.205.236.145đ$ . Tổng cộng là  $50.120.394.366đ$  (Năm mươi tỷ, một trăm hai mươi triệu, ba trăm chín mươi tư ngàn, ba trăm sáu mươi sáu đồng).

Toàn bộ lô hàng hoá bị hư hỏng do ngập lụt nêu trên hiện được giữ nguyên tại kho của Công ty chúng tôi và đã được Tòa án tổ chức xem xét, thẩm định tại chỗ. Theo Báo cáo giám định ngày 12/9/2023 của **Công ty V1** Hachiba đồng ý giá trị thu hồi đối với hàng hoá thuộc sở hữu là 3.100.774.780đ và không đồng ý giá trị thu hồi thiệt hại hàng gia công là 12.990.880.225đ. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **H2** thì lô hàng gia công bị thiệt hại do ngập lụt hiện nay đang lưu tại kho của **H2** không còn đáp ứng được nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng nên **H2** đề nghị được giao lại cho Bảo hiểm Bảo V và tuyên buộc trách nhiệm xử lý thuộc về Bảo **hiểm H3** Bảo hiểm Bảo **V** phải chịu thuế nhập khẩu và các chi phí có liên quan theo quy định. Bởi vì đây là nguyên phụ liệu Hachiba nhập khẩu để sản xuất ra hàng may mặc gia công xuất khẩu, nên nguyên phụ liệu này được quản lý và



giám sát bởi Chi cục Hải quan quản lý hàng gia công và đang được ân hạn về thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng. Hachiba sẽ hỗ trợ về mặt thủ tục hành chính đối với lô hàng gia công bị tổn thất này.

Đây không phải là yêu cầu bổ sung mà là nguyên đơn nêu lên (như đã nêu tại phần tóm tắt nội dung khởi kiện) để Tòa án xem xét, giải quyết vụ việc được rõ ràng, toàn diện.

*\* Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Tổng Công ty H3 trình bày:*

**Công ty Cổ phần D5** tham gia bảo hiểm Hợp đồng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc và mở rộng mọi rủi ro tài sản số DAN.D16.PD.22.HD.062 do **Công ty H3** (đơn vị hạch toán phụ thuộc của **Tổng Công ty H3**) cấp ngày 22/9/2022. Thời hạn bảo hiểm từ 00 giờ ngày 24/9/2022 đến 23:59 ngày 23/9/2023. Hachiba đã thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm theo quy định của đồng bảo hiểm đã cấp.

Ngày 14/10/2022, mưa lớn đã làm ngập sâu trên diện rộng từ 0,5m đến 2m ở nhiều khu vực của TP Đà Nẵng, đặc biệt là các quận/huyện: H, **L, T, H, C** Ngũ Hành S Hachiba là một trong những khách hàng của Bảo hiểm Bảo **V** bị ngập toàn bộ kho hàng trong sự kiện thiên tai này.

Ngay sau khi nhận được thông báo tổn thất từ **H, Bảo hiểm B** đã có buổi làm việc với khách hàng, thực hiện giám định sơ bộ hiện trường. Trên cơ sở hiện trường tổn thất, Bảo hiểm **Bảo V** phối hợp với **H2** chỉ định **Công ty Cổ phần G** là nhà giám định độc lập giải quyết vụ tổn thất.

Căn cứ theo hồ sơ vụ việc và hợp đồng bảo hiểm đã ký kết, Bảo hiểm Bảo **V** đã xác định và chi trả số tiền bồi thường cuối cùng cho vụ việc là 21.558.324.854đ (Hai mươi một tỷ, năm trăm năm mươi tám triệu, ba trăm hai mươi tư ngàn, tám trăm năm mươi tư đồng).

Không đồng ý với quyết định của Bảo hiểm **H3, H2** đã khởi kiện Bảo hiểm Bảo **V** yêu cầu chi trả số tiền bồi thường thiệt hại là 47.890.243.927đ.

Trách nhiệm bồi thường của Bảo hiểm **H3** trong vụ việc: Theo Báo cáo giám định ngày 12/9/2023 của **Công ty V1** thiệt hại tại Hđôi với sự cố ngập, xảy ra ngày 14/10/2022 bao gồm:

- (a) Máy móc thiết bị thuộc sở hữu của H2 bị hư hỏng;
- (b) Hàng hóa, nguyên vật liệu, thành phẩm thuộc sở hữu của H2 bị ướt, bẩn;
- (c) Hàng hóa, nguyên vật liệu, thành phẩm thuộc sở hữu của các bên giao gia công ủy thác cho H2 thực hiện gia công sản xuất bị ướt, bẩn.

Các tài sản thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Đơn bảo hiểm gốc: Căn cứ theo hồ sơ vụ việc và Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết, Bảo hiểm **H3** xác định tổn thất đối với tài sản thuộc sở hữu của **H2** (hạng mục (a) và (b)) thuộc trách nhiệm của hợp đồng bảo hiểm đã ký và Bảo hiểm Bảo **V** đã hoàn thành chi trả bồi thường cho **H2** số tiền bảo hiểm là 21.558.324.854đ.

Các tài sản không thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Đơn bảo hiểm gốc: Đối với các tài sản thuộc sở hữu của các bên giao gia công ủy thác cho **H2** (hạng mục (c)), Bảo **hiểm H3** xác định hạng mục tài sản này không thuộc trách nhiệm của hợp đồng bảo hiểm đã ký bởi các căn cứ như sau:

Điểm loại trừ theo Quy tắc bảo hiểm:

- Điều 2 Mục B Quy tắc bảo hiểm đính kèm Hợp đồng bảo hiểm số DAN.D16.PD.22.HD.062 quy định:

“B. Những tài sản không được bảo hiểm

Hợp đồng bảo hiểm này không bảo hiểm: Hàng hoá được ủy thác hay ký gửi, chứng từ, tài liệu, sổ sách kinh doanh, hệ thống máy tính, hồ sơ, mô hình, khuôn mẫu, sơ đồ, bản thiết kế, chất nổ trừ khi chúng được đề cập cụ thể là đối tượng được bảo hiểm bởi Hợp đồng bảo hiểm này”.

Hợp đồng gia công:

- Hợp đồng gia công may mặc số 01-MG29-DESIPRO-2023 giữa H2 và Công ty D6 (Bên đặt gia công) quy định: “Điều 1: Nghĩa vụ Bên B cung cấp nguyên liệu cho Bên A để tiến hành gia công hàng may mặc, kể cả 0-3% hao hụt. Bên cạnh đó, số lượng vải còn thừa của Hợp đồng này vẫn thuộc tài sản của Bên B và sẽ được chuyển giao cho Hợp đồng tiếp theo. Bên A sẽ mua Phụ liệu để sản xuất đơn hàng”.

- Hợp đồng gia công số 01-MG29-Galtex2022 giữa H2 và Công ty G1 (Bên đặt gia công) quy định:

“Điều 2: Giao hàng

Bên B sẽ cung cấp cho bên A tất cả các nguyên phụ liệu để sản xuất hàng may mặc với nhiều mẫu mã khác nhau, bao gồm 2% hao phí. Nếu bên B không thể cung cấp được một số nguyên phụ liệu phù hợp cho bên A, bên B sẽ ủy quyền cho bên A tự tìm mua phụ liệu may trong nước và cộng vào đơn giá hàng hóa khi xuất hàng”.

- Điều 548 Bộ luật dân sự quy định: “Điều 548. Trách nhiệm chịu rủi ro

Cho đến khi giao sản phẩm cho bên đặt gia công, bên nào là chủ sở hữu của nguyên vật liệu thì phải chịu rủi ro đối với nguyên vật liệu hoặc sản phẩm được tạo ra từ nguyên vật liệu đó, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Như vậy, toàn bộ nguyên phụ liệu bên gia công giao cho H2 (và các hàng hóa thành phẩm được tạo ra từ nguyên vật liệu đó) vẫn thuộc sở hữu của các bên giao gia công và H2 chỉ là đơn vị được ủy thác quản lý, trông coi, kiểm soát.

Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết:

- Căn cứ vào Hợp đồng bảo hiểm đã cấp cùng lịch sử giao dịch giữa hai bên, hạng mục tham gia bảo hiểm là Hàng hóa - chỉ ghi chung là “Hàng hóa”, với số tiền tham gia bảo hiểm là 227.700.000.000đ và không có văn bản nào chứng minh/định danh/kê khai rõ và cụ thể/chi tiết số tiền tham gia bảo hiểm là hàng hóa không thuộc sở hữu và được ủy thác, giao cho H2 quản lý, cũng không có bằng chứng nào chứng tỏ Bảo hiểm Bảo V đã biết về việc số hàng hóa này là hàng hóa không thuộc sở hữu của H2 cho tới khi tiến hành giám định tổn thất.

Bảo hiểm H3 phát hành hợp đồng bảo hiểm trên cơ sở hiểu rằng toàn bộ tài sản được kê khai là thuộc hoàn toàn sở hữu của H2.

Như vậy, đối tượng nguyên phụ liệu gia công hay hàng hóa gia công bị tổn thất được ủy thác cho Hachiba quản lý, trông coi không thuộc đối tượng tài sản được bảo hiểm theo Điều loại trừ trong Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết, cũng như đã không được qui định hoặc kê khai cụ thể là đối tượng được bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết.

- Trách nhiệm bồi thường theo điều khoản bổ sung BVDP095:

Hachiba tham gia Điều khoản bổ sung BVDP095 - Điều khoản về Tài sản thuộc quyền Kiểm soát, Quản lý, Trông nom của Người được bảo hiểm (giới hạn 1.000.000.000đ) trong Hợp đồng bảo hiểm số DAN.D16.PD.22.HD.062, Điều khoản này quy định:

“Điều loại trừ đối với tài sản thuộc trách nhiệm hay dưới sự kiểm soát của Người được bảo hiểm hay người giúp việc của họ theo Hợp đồng bảo hiểm này sẽ không áp dụng cho những tổn thất đối với tài sản thuộc sở hữu của khách hàng của Người được bảo hiểm nhưng đang được giao phó cho Người được bảo hiểm trông coi.

Với điều kiện là những tài sản này không phải là tài sản mà Người được bảo hiểm thuê mượn và những tài sản này phải được kê khai trong Sổ tiền bảo hiểm”.

Theo đó, các hạng mục hàng hóa, nguyên phụ liệu không thuộc sở hữu của H2 phải được kê khai cụ thể trên văn bản là hàng hóa không thuộc sở hữu/được giao phó cho H2 thì mới kích hoạt điều khoản bổ sung BVDP095.

Như đã phân tích nêu trên, hạng mục “Hàng hóa” tham gia bảo hiểm không được H2 kê khai cụ thể những chủng loại, số lượng nào không thuộc sở hữu và được ủy thác/giao phó cho H2 và cũng không có bằng chứng nào chứng tỏ Bảo V đã biết về việc số hàng hóa này là hàng hóa không thuộc sở hữu của H2 cho tới khi tiến hành giám định tổn thất. Do đó, Điều khoản bổ sung BVDP095 không kích hoạt.

Trên cơ sở các phân tích trên, Bảo hiểm H3 xác định toàn bộ hàng hóa, nguyên vật liệu, thành phẩm gia công không thuộc đối tượng bảo hiểm theo quy tắc bảo hiểm cũng như theo điều khoản bổ sung của hợp đồng bảo hiểm đã ký.

- Về quá trình ký kết hợp đồng bảo hiểm giữa Hachiba với Công ty H3 - Bảo hiểm H3: Ngày 09/3/2023, H2 có Công văn số 25 gửi Công ty H3 đề nghị H3 xác nhận đối tượng tài sản tham gia bảo hiểm của đơn bảo hiểm IJ:569366 bao gồm hàng hóa thuộc đơn hàng gia công.

Hachiba cho rằng trong hồ sơ dữ liệu mà H2 đã gửi để ký hợp đồng thể hiện rõ hàng hóa được cấp trong đơn bảo hiểm có các đơn hàng sau: Hàng Decathlon (thuộc hợp đồng gia công của khách hàng Desipro); Hàng FIG (thuộc hợp đồng gia công của khách hàng Galtex). Tuy nhiên, tại Sheet 2 trong file tái cấp bảo hiểm mà H2 gửi đính kèm công văn chỉ thể hiện “Kho nguyên liệu hàng Decathlon; Kho nguyên liệu hàng FIG; Kho nguyên liệu hàng Veston,..”. Không có nội dung nào thể hiện kho nguyên liệu nào thuộc hàng của hợp đồng gia công nào.

Ngày 14/3/2023, H3 có Văn bản số 112 phúc đáp Công văn 25 của Công ty D5 Nội dung Văn bản 112 thể hiện “...toàn bộ thông tin được cung cấp file Tái cấp bảo hiểm 22-92022. BaoViet bao gồm: Tên kho và số tiền bảo hiểm của từng kho trong đó tên kho thể hiện mặt hàng được chứa trong kho như nguyên liệu, phụ liệu, thành phẩm, giấy, nhiên liệu, thiết bị, bìa carton, sợi, hóa chất, khăn, móc,... mà không thể hiện rõ ràng hàng hóa này theo hợp đồng gia công nào, chủng loại cụ thể, không thể hiện hàng hóa thuộc sở hữu của ai”.

H2 đã không đúng khi cho rằng quá trình khảo sát, thẩm định trước khi ký kết hợp đồng “H3 không hề phân biệt, phân loại: Hàng hóa thuộc sở hữu hoặc hàng

gia công” vì theo Luật Kinh doanh bảo hiểm thì H2 có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến đối tượng bảo hiểm cho H3.

Mặt khác, theo Biên bản giám định số 01 Công ty V1 tại mục 5 Phần II, giám định viên phát hiện thêm hàng hóa bị tổn thất bao gồm hàng gia công; hàng FOB; hàng tiêu dùng nội địa.

Với các dẫn chứng trên, Bảo hiểm H3 khẳng định tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm, H3 và Bảo hiểm Bảo V hoàn toàn không biết hàng hóa được kê khai có hàng gia công, không thuộc sở hữu của H2

- Đối với hàng hóa bị hư hỏng:

+ Không có việc Bảo hiểm Bảo V cử các đơn vị đến để mua lại lô hàng hóa kém chất lượng do ít nhiều bị ảnh hưởng bởi lụt như lời khai của H2

+ Theo nội dung Công văn số 136 ngày 30/11/2022 của H2 thì “29/3 đồng ý chuyển đổi mục đích sử dụng và sản xuất đối với lô hàng tổn thất với giá trị đã bao gồm thuế nhập khẩu, không bao gồm VAT với giá trị là 20.500.000.000đ”.

Ngày 08/12/2022, Bảo hiểm H3 có Công văn số 5828/BHBV-GĐBTTSKT đề nghị Hachiba chủ động xử lý theo phương án mà các bên đã trao đổi nhằm đảm bảo hiệu quả giảm thiểu thiệt hại.

Với đề xuất của H2 có thể thấy hàng hóa hư hỏng vẫn có thể được sử dụng, đưa vào sản xuất. Hachiba đã có phương án sử dụng lại lô hàng hư hỏng. Giá trị của lô hàng này được H2 và Bảo hiểm H3 thống nhất là 20.500.000.000đ (“Giá trị thu hồi”). Theo Báo cáo giám định, giá trị thu hồi đã được Công ty V1 phân bổ và đối trừ vào tổng giá trị tổn thất. Giá trị thu hồi đối với hàng hóa thuộc sở hữu của H2 là 3.100.774.780 đồng và giá trị thu hồi đối với hàng hóa gia công là 12.990.880.225 đồng.

Trên thực tế, H2 cũng đã đồng ý với giá trị thu hồi đối với hàng hóa thuộc sở hữu là 3.100.774.780 đồng và đã nhận 21.558.324.854 đồng giá trị bồi thường hàng thuộc sở hữu.

Công văn số 136 của H2 cũng đưa ra 02 điều kiện cho BHBV, cụ thể:

i. BHBV phải có văn bản chính thức phản hồi về phạm vi và trách nhiệm của hợp đồng bảo hiểm đối với hàng hóa thuộc hợp đồng gia công;

ii. Khi đã có văn bản trả lời về phạm vi và trách nhiệm bảo hiểm, thanh toán 50% giá trị thiệt hại với thời gian sớm nhất nhưng không quá ngày 15/12/2022.

Việc bảo quản tài sản hư hỏng và tiến hành mọi biện pháp hợp lý để ngăn ngừa thiệt hại xảy ra đối với tài sản là nghĩa vụ của H2 được quy định tại Quy tắc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản, phần NHỮNG ĐIỀU KIỆN CHUNG:

“13. Các biện pháp phòng ngừa hợp lý:

Người được bảo hiểm phải giữ gìn tài sản trong tình trạng phù hợp và tiến hành mọi biện pháp hợp lý để ngăn ngừa THIẾT HẠI xảy ra đối với tài sản.” Điểm d khoản 2 Điều 18 Luật Kinh doanh bảo hiểm có quy định:

“Áp dụng các biện pháp, hạn chế tổn thất theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan”.

Hachiba không được đặt điều kiện chuyển đổi mục đích sử dụng lô hàng hư hỏng với Bảo hiểm H3 vì việc chuyển đổi mục đích sử dụng lô hàng hư hỏng với giá trị thu hồi là 20.500.000.000đ (chưa bao gồm VAT) của H2 chính là một trong



những nghĩa vụ tiến hành mọi biện pháp hợp lý để ngăn ngừa thiệt hại xảy ra đối với tài sản theo Quy tắc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản và Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Sau khi H2 khởi kiện Bảo hiểm Bảo V ra Tòa án, H2 từ chối không nhận lại hàng hóa gia công và cho rằng hàng hóa lưu giữ trong kho của H2 đã xuống cấp trầm trọng. Giả sử, hàng hóa gia công đang lưu giữ tại Hachiba có sự xuống cấp trầm trọng, không còn được giá trị 12.990.880.225 đồng thì thiệt hại này thuộc trách nhiệm của H2 vì H2 đã vi phạm nghĩa vụ tiến hành mọi biện pháp hợp lý để ngăn ngừa thiệt hại xảy ra đối với tài sản.

- Sau khi Công ty V1 có mặt tại hiện trường kiểm tra tổn thất và phát hiện hàng hóa bị tổn thất của H2 bao gồm cả hàng gia công (H2 nhận nguyên phụ liệu để gia công theo mẫu của khách) thì H2 mới đưa ra 02 Hợp đồng gia công may mặc:

i. Hợp đồng gia công may mặc số 01-M29-DESIPRO-2023 ngày 25/4/2022 giữa Hachiba với Desipro PTE.LTD;

ii. Hợp đồng gia công số 01-M29-GALTEX-2022 ngày 03/01/2022 giữa Hachiba với Galtex International L1;

Theo Điều 3 của hai hợp đồng gia công nêu trên thì “Bên A phải mua bảo hiểm cho nguyên phụ liệu thuộc sở hữu của bên B”.

Điều khoản trên thể hiện rõ quyền sở hữu nguyên phụ liệu vẫn đang thuộc Công ty D6 và Công ty G1. Theo quy định của pháp luật, chủ sở hữu tài sản cần phải được biết và có ý kiến về thiệt hại tài sản thuộc sở hữu của mình, về giá trị thiệt hại cũng như yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Việc bồi thường thiệt hại của Bảo hiểm H3 (nếu có) liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ hợp pháp của Công ty D6 và Công ty G1

Ngày 17/10/2022, H2 có thư thông báo gửi Công ty G1 Nội dung thư này không nêu tổng số nguyên phụ liệu hư hỏng (lý do là chờ bảo hiểm thẩm tra). Sau đó, Công ty G1 có thư phản hồi cho H2 với nội dung “Chắc chắn chúng tôi sẽ trao đổi với các nhà cung cấp để sớm giúp H2 mua thêm nguyên vật liệu bù vào. Tuy nhiên, H2 phải chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí này”. Như vậy, thông báo của H2 và thư trả lời của Công ty G1 đều không thể hiện tổng số nguyên phụ liệu hư hỏng, tổng giá trị nguyên phụ liệu hư hỏng. Mặt khác, cho đến nay trong các văn bản Hachiba cung cấp không có trả lời của Công ty D6

Vì vậy, để vụ án được xem xét một cách khách quan, minh bạch Bảo hiểm H3 đề nghị quý Tòa đưa Công ty D6 và Công ty G1 vào tham gia vụ án tranh chấp hợp đồng bảo hiểm này.

- Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung về tiền lãi của H2 Hợp đồng bảo hiểm không quy định về tiền lãi Bảo hiểm Bảo V phải trả. Vì vậy, yêu cầu của H2 về tiền lãi 5.205.236.145đ (tính từ ngày 30/12/2022 đến ngày 26/02/2024 với lãi suất 10%) là không có căn cứ.

- Về việc Công ty D5 đã vay vốn, thế chấp tài sản đã mua bảo hiểm, đề nghị Hội đồng xét xử đưa các Ngân hàng đã cho H2 vay vốn và đã nhận thế chấp các tài sản trong danh mục bảo hiểm vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Vì vậy, Bảo hiểm Bảo V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của H2 yêu cầu Toà án giải quyết buộc Bảo hiểm H3 thanh toán tiền bồi thường thiệt hại:

44.915.158.221đ và tiền lãi tính từ 30/12/2022 đến ngày 26/02/2024: 5.205.236.145đ.

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại Văn bản trình bày của Công ty G1, Công ty D6 có cần hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định và có cần đưa các Ngân hàng vào tham gia tố tụng trong vụ án vì Công ty D5 đã vay vốn, thế chấp tài sản đã mua bảo hiểm cho Ngân hàng được nêu trong danh mục tái cấp bảo hiểm hay không, đó là quyền của Hội đồng xét xử.

\* Công ty Cổ phần G – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ngày 28/10/2022 Công ty V1 và H2 lập Biên bản giám định số 01, theo nội dung tại Điều 5 - Điều tra của Giám định viên (phát hiện thêm của Giám định viên) thì hàng hoá bị tổn thất của người được bảo hiểm (NDBH) bao gồm các hạng mục: Hàng gia công (NDBH nhận nguyên phụ liệu để gia công theo mẫu của khách hàng); Hàng FOB (NDBH mua nguyên liệu để sản xuất theo đơn xuất khẩu); Hàng tiêu dùng nội địa (Hàng NDBH mua nguyên liệu, sản xuất và xuất bản trong nước); Ngày 22/11/2022 Công ty V1 và H2 lập Biên bản giám định số 02. Tại các buổi làm việc với H2 và nội dung 02 Biên bản giám định trên không có bất cứ khẳng định nào của Công ty V1 về đối tượng trực tiếp tham gia bảo hiểm. Tuy nhiên, trong rất nhiều lời khai tại Toà án, H2 đã khai “Mặt khác, khi xảy ra sự cố ngập lụt ngày 14/10/2022 thì hàng hoá hư hỏng đã được Công ty V1 khẳng định: chính là hàng hoá tại các kho đã được liệt kê tại Bảng kê chi tiết hàng hoá theo từng kho mua bảo hiểm. Hàng hoá bị tổn thất cũng chính là đối tượng trực tiếp tham gia bảo hiểm tại hợp đồng bảo hiểm được hai bên ký kết”. Vì vậy, đề nghị Toà án yêu cầu H2 cung cấp chứng cứ về nội dung trên. Tại Biên bản giám định số 01, phần hướng dẫn thêm của Công ty V1 có đoạn: “- Đề nghị NDBH lên phương án khắc phục, đề xuất phương án lên nhà bảo hiểm, chờ ý kiến phản hồi của các bên liên quan trước khi tiến hành khắc phục; Đề nghị NDBH bảo quản những hạng mục bị hư hỏng đã được chúng tôi phân loại, kiểm tra, ghi nhận. Nếu để mất mát, thất lạc sẽ được coi như NDBH đã đưa vào sử dụng và không được xem xét, tính toán bồi thường sau này nếu tổn thất thuộc phạm vi và trách nhiệm của hợp đồng bảo hiểm”. Theo quy định tại Luật kinh doanh bảo hiểm và Quy tắc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản thì NDBH có nghĩa vụ bảo quản tài sản hư hỏng và tiến hành mọi biện pháp hợp lý để ngăn ngừa thiệt hại xảy ra đối với tài sản. Vì vậy, đề xuất thu hồi nguyên liệu vãi, quần áo thành phẩm ướt nặng, lấm lem với giá trị thu hồi là 20.500.000.000đ (chưa bao gồm VAT) của H2 tại Văn bản ngày 28/11/2022 chính là một trong những nghĩa vụ tiến hành mọi biện pháp hợp lý để ngăn ngừa thiệt hại xảy ra đối với tài sản. Ngày 08/12/2022, Bảo hiểm H3 có Công văn số 5828/BHBV-GĐBTTSKT với nội dung đề nghị Hachiba chủ động xử lý theo phương án mà các bên trao đổi nhằm đảm bảo hiệu quả giảm thiểu thiệt hại. Như vậy, H2 và Bảo hiểm Bảo V đã thống nhất giá trị thu hồi. Căn cứ đề xuất H2 và đồng ý của Bảo hiểm H3 về giá trị hàng hoá thu hồi là 20.500.000.000đ, Công ty V1 đã tính toán, bóc tách giá trị thu hồi đối với hàng hoá thuộc sở hữu của H2 là 3.100.774.780đ và giá trị thu hồi đối với hàng hoá gia công là 12.990.880.225đ. Hachiba cũng đã đồng ý giá trị thu hồi đối với hàng hoá thuộc sở hữu là 3.100.774.780đ. Nay H2 lại cho rằng Công ty V1

“tự ý đề xuất giá trị thu hồi hay nói cách khác là tự ý xác định phạm vi bảo hiểm” là không đúng với các căn cứ trình bày trên.

- Công ty V1 nhận được Công văn 88/CV-CT ngày 15/9/2023 của H3. Tại Công văn này, H2 đề nghị Công ty V1 điều chỉnh lại Báo cáo giám định theo ý của H2 là bỏ Mục 5 - Giá trị thu hồi. Báo cáo giám định của Công ty V1 được lập trên cơ sở ghi nhận các sự kiện, tài liệu, chứng cứ và quy định của pháp luật có liên quan. Với chức năng độc lập, Công ty V1 không bảo vệ quyền lợi của bất kỳ bên nào trong vụ án này. Vì vậy, Công ty V1 không thể sửa Báo cáo giám định theo ý kiến của H2. Báo cáo giám định của Công ty V1 chỉ được điều chỉnh sau khi H2 và Bảo hiểm Bảo V đạt được thoả thuận mới hoặc sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công văn ngày 15/9/2023 của H2 có những nội dung gây sức ép đến Công ty V1 như: “Công ty chúng tôi cũng sẽ có những bước xử lý tiếp theo phù hợp với luật định nhằm giúp các doanh nghiệp khác trong H4, Hiệp hội doanh nghiệp các ngành khác hiểu rõ hơn về sự không khách quan, thiếu chuẩn mực của Công ty V1 khi tham gia giám định dưới sự bảo trợ của Bảo hiểm Bảo V nếu chúng tôi không nhận được sự hợp tác, thiện chí rõ ràng từ Công ty V1”.

\* Công ty H3 trình bày: Công ty H3 là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty H3. Căn cứ Điều 1 Điều lệ Tổng Công ty H3 “Công ty hạch toán phụ thuộc” là đơn vị kinh doanh không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc và nằm trong cơ cấu của Tổng Công ty H3. Nói cách khác các hợp đồng đều được Công ty H3 giao kết dưới tư cách Công ty H5 thay mặt cho Bảo hiểm H3. Do đó, không có tư cách pháp nhân, chỉ là một bộ phận là của pháp nhân Tổng Công ty H3 nên Công ty H3 không đủ điều kiện để tham gia tố tụng. Vì vậy, đối với các vấn đề liên quan đến quá trình tố tụng tại Toà án, đề nghị Toà án liên hệ với Bảo hiểm Bảo V và xin được vắng mặt trong các phiên xét xử vụ án này.

\* Ông Nguyễn Minh T3 trình bày:

Công ty Cổ phần D5 là khách hàng lâu năm của Công ty H3. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì H2 có những ngành nghề kinh doanh như: Bán lẻ hàng may mặc, bán buôn vải, hàng may mặc, ... Để có cơ sở tái tục hợp đồng năm 2021 (hết hiệu lực ngày 23/9/2022), tôi và chị Nguyễn Thị Kim L là Kế toán của H2 có trao đổi về danh mục tài sản, giá trị tài sản, giá trị bảo hiểm.

Ngày 17/9/2022, chị L gửi (qua zalo của tôi) những tài liệu sau:

- Tái cấp bảo hiểm 22/9/2022. BaoViet (gồm có 07 sheet);
- Sơ đồ mặt bằng bảo hiểm.

Ngày 22/9/2023, Công ty H3 và H3 ký kết Hợp đồng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc và mở rộng mọi rủi ro tài sản số: DAN.D16.PD.22.HD.062 (IJ:5969366). Quy tắc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản (thiệt hại vật chất) ban hành theo Quyết định số: 4257/QĐ-BHBV ngày 24/7/2019 là tài liệu đính kèm Hợp đồng này.

Trong việc ký kết Hợp đồng bảo hiểm với H2, ông đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình. Sau khi nhận tài liệu từ chị Lông đã chuyển tiếp tài liệu này đến Tổng Công ty H3 theo trình tự quy định.

Ông được biết ngày 09/3/2023, Công ty D5 có Công văn số 25/CV-CT gửi Công ty H3 đề nghị xác nhận đối tượng tài sản tham gia bảo hiểm của đơn bảo

hiểm IJ: 569366. Tôi đã soát xét lại hồ sơ và nhận thấy toàn bộ tài liệu tôi nhận được từ chị Lkhông thể hiện hàng hóa theo hợp đồng gia công nào, thuộc sở hữu của ai:

Theo Sheet 2: Nội dung hàng hóa tỷ lệ:

1. Kho nguyên liệu

1.1 Kho nguyên liệu hàng Decathlon (kho 3, 4, 5 theo sơ đồ kho);

1.2 Kho nguyên liệu hàng FIG (kho 20 theo sơ đồ kho);

1.3 Kho nguyên liệu hàng Veston (kho 15, 18 theo sơ đồ kho);

3. Kho thành phẩm

3.1 Thành phẩm DEC (kho 9, 21);

3.2 Thành phẩm FIG (kho 30, 31, 21, 7);

3.3 Thành phẩm Veston (kho 7, 16, 19);

3.4 Kho giấy (kho 35); kho nhiên liệu (kho 12).

Trên cơ sở thông tin, tài liệu nhận được của H2 thì toàn bộ tài sản được kê khai thuộc sở hữu của H2. Bảng tổng hợp Hợp đồng bảo hiểm tài sản của Công ty năm 2022-2023 đính kèm Hợp đồng bảo hiểm số DAN.D16.PD.22.HD.062 (IJ:5969366) đã khẳng định vấn đề này.

Do đó, Công văn số 25 của H2 đã không đúng khi cho rằng trong hồ sơ dữ liệu mà H2 đã gửi để ký hợp đồng có thể hiện rõ hàng hóa được cấp trong hợp đồng bảo hiểm có các đơn hàng: Hàng Decathlon (thuộc hợp đồng gia công của khách hàng Desipro Pte.Ltd; Hàng FIG (thuộc hợp đồng gia công của khách hàng Galtex International Ltd.

\* Bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Công ty Cổ phần D5 ký hợp đồng bảo hiểm cháy nổ và mở rộng mọi rủi ro tài sản số DAN.D16.PF.22.HD.062 (IJ:5969366) ngày 22/9/2022 tại địa chỉ F Mẹ N, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng với Tổng Công ty H3 là hợp đồng tái bảo hiểm dựa trên cơ sở Hợp đồng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc và các rủi ro đặc biệt số DAN.D05.CFI.21.HD.161 (IJ:5318756) ký ngày 21/9/2021 hết hiệu lực vào ngày 23/9/2022.

Trước khi ký hợp đồng, ông Nguyễn Minh T3 Trưởng phòng khách hàng Công ty H3 đã gọi điện cũng như gửi tin nhắn qua zalo của bà thông báo Hợp đồng bảo hiểm sắp hết hạn và đề nghị gửi hồ sơ để tái bảo hiểm. Trong quá trình trao đổi làm việc với nhau, bà đều trao đổi với ông T3 rằng bà cần kiểm tra các kho để xác định giá trị mua bảo hiểm vì hàng hoá của công ty có hàng gia công không theo dõi trên sổ sách kế toán, nên cần phải kiểm tra số lượng ở các kho để tính giá trị từ đó xác định giá trị tham gia bảo hiểm của từng kho.

Giá trị tham gia bảo hiểm đối với hàng hoá của công ty được căn cứ vào giá trị hàng hoá thực tế luân chuyển ở các kho, không phân biệt chi tiết từng loại mặt hàng gì mà chỉ gọi chung là hàng hoá tương ứng với vị trí, chức năng cụ thể của từng kho tại địa chỉ F, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng như kho nguyên liệu, kho phụ liệu, kho thành phẩm, kho vật tư, kho thùng... được tổng hợp trong Bảng tổng hợp hợp đồng bảo hiểm tài sản của công ty năm 2022-2023 đính kèm Sơ đồ mặt bằng bảo hiểm được thể hiện trong Hợp đồng bảo hiểm.



Với nội dung trên, bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã Quyết định:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 117, 357, 401, 468, 542, 548 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 178 Luật thương mại năm 2005;
- Điều 12, 13, 14, 15, 17, 18, 19, 29, 47 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010);

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần D5 (H2 về việc “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*” đối với bị đơn Tổng Công ty H3.

Buộc Tổng Công ty H3 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần D5 tổng số tiền là 50.120.394.366đ (Năm mươi tỷ, một trăm hai mươi triệu, ba trăm chín mươi tư ngàn, ba trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó:

- Tiền bồi thường thiệt hại: 44.915.158.221đ
- Tiền lãi tính từ 30/12/2022 đến ngày 26/02/2024: 5.205.236.145đ

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ thi hành án, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về xử lý hàng hóa bị tổn thất:

2.1. Giao số hàng hoá sở hữu được tập kết lưu giữ tại các Kho 7, 14, 18, 23 (Kho S27 và Kho Dệt của Công ty Cổ phần D5 có giá trị thu hồi là 3.100.774.780đ cho Công ty Cổ phần D5

2.2. Giao số hàng hoá gia công được tập kết lưu giữ tại K (Kho Slà hàng thiết là thành phẩm và phụ liệu may và Kho D2 là hàng thiết là nguyên liệu vải của Công ty Cổ phần D5 có giá trị thu hồi là 12.990.880.255đ cho Tổng Công ty H3

Tổng Công ty H3 phải chịu các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật liên quan đối với hàng hoá gia công được giao và Công ty Cổ phần D5 phải có trách nhiệm hỗ trợ về các thủ tục pháp lý liên quan đến hàng hoá gia công nêu trên.

3. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và chi phí dịch thuật là 1.140.000đ (Một triệu, một trăm bốn mươi ngàn đồng) Công ty Cổ phần D5 tự nguyện chịu (đã nộp và chi phí xong).

4. Về án phí:

Tổng Công ty H3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 158.120.000đ (Một trăm năm mươi tám triệu, một trăm hai mươi ngàn đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 134.155.121đ (Một trăm ba mươi tư triệu, một trăm năm mươi năm ngàn, một trăm hai mươi một đồng) cho

Công ty Cổ phần D5 đã nộp theo biên lai thu số 0000176 ngày 07/7/2023 và 0000257 ngày 15/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn thông báo về quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án theo qui định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm trong hạn luật định, ngày 04 tháng 3 năm 2024, bị đơn Tổng Công ty H3 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Đề nghị Tòa án cấp phúc sửa án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn Công ty cổ phần D5 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn Tổng Công ty H3 giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị đơn sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty H3, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 27/02/2024 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng.

Sau khi nghe bị đơn trình bày nội dung kháng cáo, ý kiến của nguyên đơn Luật sư, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Kiểm sát viên về nội dung kháng cáo. Sau khi thảo luận và nghị án.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo là Công ty H3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty H3, HĐXX nhận thấy:

[2.1] Đối với tiền bồi thường thiệt hại: 44.915.158.221 đồng.

Ngày 22/9/2022 Công ty Cổ phần D5 (Bên A) và Tổng Công ty H3 Công ty H3 (Bên B), Công ty H3 là đơn vị hoạch toán phụ thuộc Bảo hiểm H3 có ký kết Hợp đồng bảo hiểm cháy nổ và mở rộng rủi ro số HĐ: DAN.D16.PD.22.HD.062 (IJ: 5969366); Tổng Công ty H3 Công ty H3 đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 5969366 và các điều khoản chung, kèm theo Quy tắc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản (Ban hành theo Quyết định số 4257/QĐ-BHBV ngày 24/7/2019 của Tổng giám đốc Tổng Công ty H3 kèm theo Hợp đồng bảo hiểm gồm: Danh mục tài sản bảo

hiểm, Bảng tổng hợp hợp đồng tài sản bảo hiểm của Công ty năm 2022-2023, Sơ đồ mặt bằng bảo hiểm năm 2023 của H2.

Tổng số tiền bảo hiểm là 402.604.123.637 đồng gồm: Nhà cửa, vật kiến trúc là 135.915.404.540 đồng; máy móc thiết bị sản xuất là 38.988.719.097 đồng; hàng hoá là 227.700.000.000 đồng. Tổng phí thanh toán cho các tài sản được bảo hiểm nêu trên là 885.729.072 đồng.

Địa điểm được bảo hiểm tại số F, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng bảo hiểm: Từ 00 giờ 00 phút ngày 24/9/2022 đến 23 giờ 59 phút ngày 23/9/2023.

Trong quá trình tố tụng, H2 và Bảo hiểm H3 thừa nhận các hạng mục nhà cửa kiến trúc, máy móc thiết bị, hạng mục hàng hoá của H2 đã mua bảo hiểm bị tổn thất, ngập lụt là do ảnh hưởng cơn bão số 05 (Sgây mưa lớn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng vào đêm ngày 14/10/2022).

Bảo hiểm Bảo V kháng cáo cho rằng: Bảo hiểm Bảo V cho rằng H2 tham gia bảo hiểm cho hàng hoá thuộc sở hữu của H2 không tham gia bảo hiểm cho hàng hoá gia công, để loại trừ trách nhiệm bảo hiểm hàng hóa gia công, H2 xét thấy không có cơ sở, vì các lẽ sau đây:

*Thứ nhất:* Theo Hợp đồng gia công số 01-M29-GALTEX-2022 ngày 03/01/2022 giữa Hachiba (Bên A) và Công ty G (Bên B) và Hợp đồng gia công may mặc số 01-M29-DESIPRO-2023 ký ngày 25/4/2022 giữa Hachiba (Bên A) và Công ty D6 (Bên B). Cả hai hợp đồng trên đều quy định tại Điều 1 như sau: “Bên B cung cấp nguyên liệu cho bên A để tiến hành gia công may mặc” và Điều 3: “...Bên A sẽ chịu trách nhiệm mua bảo hiểm cho toàn bộ nguyên phụ liệu thuộc sở hữu của bên B”.

Tại Công văn số 515/ĐTGC-TT ngày 04/10/2023 của CGia công thể hiện: H3 có làm thủ tục hải quan 05 tờ khai tại Chi cục và đã nhập nguyên phụ liệu của 02 Công ty trên vào các ngày 04/5/2022, 01/7/2022 và 25/7/2022. Đến ngày 22/9/2022 H2 mới ký hợp đồng bảo hiểm với Bảo hiểm Bảo V, nên phải mua bảo hiểm cho số hàng hóa theo hai hợp đồng gia công nêu trên là phù hợp.

*Thứ hai:* Tại Điều 548 Bộ luật Dân sự quy định về Trách nhiệm chịu rủi ro: “Cho đến khi giao sản phẩm cho bên đặt gia công, bên nào là chủ sở hữu của nguyên vật liệu thì phải chịu rủi ro đối với nguyên vật liệu hoặc sản phẩm được tạo ra từ nguyên vật liệu đó, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Như vậy, H2 và hai Công ty trên đã có thỏa thuận về việc H2 phải mua bảo hiểm là thuộc “trường hợp có thỏa thuận khác”. Công ty G1, Công ty D6 ký hợp đồng để Hachiba gia công sản phẩm, chứ không phải ủy thác hay ký gửi hàng hoá cho H2.

*Thứ ba:* Theo Vi bằng số 341/2023/VB-TPLTT lập ngày 15/8/2023 thể hiện trước khi ký kết hợp đồng Hợp đồng bảo hiểm, bà Nguyễn Thị Kim L Kế toán trưởng của H2 đã nhắn tin vào Zalo của ông Nguyễn Minh T3 Trưởng phòng khách hàng của Công ty H3 tại file tái cấp bảo hiểm (trang số 22 của vi bằng) đã thể hiện như sau: Kho nguyên liệu và kho thành phẩm số: 3, 4, 5, 9, 21 có ghi chữ D3 và D4 và kho nguyên liệu, kho phụ liệu, kho thành phẩm số: 7, 20, 21, 30, 31, 34 có ghi chữ FIG. Bảo hiểm Bảo V đã thừa nhận việc H2 đã gửi bảng danh mục hàng tái cấp bảo hiểm như trên.

Tại Vi bằng cũng thể hiện nội dung tại cuộc họp ngày 29/12/2022 có ghi nhận lời trình bày của ông T3 “...*chi tiết cũng thể hiện cũng rất rõ là cái này của khách hàng gia công và cái này cũng là cái phần của Công ty...*” và ông T3 thừa nhận giọng nói trong Vi bằng là của ông T3. Điều này thể hiện trước khi tái cấp hợp đồng bảo hiểm, Công ty H3 đã biết hàng hóa được bảo hiểm có hàng gia công.

*Thứ tư:* Theo quy định tại Điều 16 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010). Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm: “...2. Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm phải được quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm. *Doanh nghiệp bảo hiểm phải giải thích rõ cho bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng*”.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, ông Nguyễn Minh T3 thừa nhận Bảo hiểm Bảo Việt và H3 có *quan hệ bảo hiểm nhiều năm, bản thân ông đã phụ trách được khoảng 10 năm nên cứ thực hiện theo hợp đồng có sẵn và các quy định của tài liệu kèm theo mà không phải giải thích*. Như vậy, Công ty H3 đã vi phạm nghĩa vụ giải thích rõ cho bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng.

Từ những nhận định và phân tích trên, có đủ cơ sở khẳng định hàng hóa thuộc sở hữu và hàng hóa gia công đều thuộc phạm vi được bảo hiểm.

Xét về giá trị thiệt hại, các đương sự thống nhất Báo cáo giám định số PAR-2421122 ngày 12/9/2023 của Công ty V1, cụ thể:

STT	Hạng mục	Giá trị (VNĐ)
1	Hạng mục hàng hoá	72.978.214.185
2	Hạng mục máy móc thiết bị	30.590.116
3	Hạng mục Nhà cửa kiến trúc	64.057.926
4	Giá trị thu hồi	16.091.655.005
-	Hàng thuộc sở hữu	3.100.774.780
-	Hàng gia công	12.990.880.255
I	Tổng hợp giá trị tổn thất (1+2+3-4)	56.981.207.222
II	Miễn thường (5% giá trị tổn thất tối thiểu 20.000.000 VNĐ)	2.849.060.361
III	Giá trị tính toán thiệt hại (I-II)	54.132.146.861
IV	Giá trị đã bồi thường hàng thuộc sở hữu của NĐBH	21.558.324.854
	Giá trị tính toán thiệt hại hàng gia công (III-IV)	32.573.822.007

Công ty Cổ phần D5 yêu cầu Tòa án buộc Tổng Công ty H3 chi trả toàn bộ số tiền bồi thường bảo hiểm còn lại là: 73.072.862.227 đồng - 3.100.774.780 đồng (Giá trị thu hồi hàng sở hữu) - 3.498.604.372 đồng (Mức khấu trừ 5% trên số tiền tổn thất) - 21.558.324.854 đồng (Giá trị đã bồi thường) = 44.915.158.221 đồng và Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận, buộc Bảo hiểm H3 bồi thường số tiền bảo hiểm còn lại là 44.915.158.221 đồng, là đúng pháp luật, kháng cáo của Công ty H3 về nội dung này, không được HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận.

## [2.2] Xét yêu cầu tính lãi của H2 thì thấy:



Mặc dù trong Hợp đồng bảo hiểm không quy định tính lãi do chậm bồi thường bảo hiểm. Tuy nhiên, theo Điều 29 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định: Thời hạn trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường: Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, doanh nghiệp B phải trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường theo thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm; trong trường hợp không có thỏa thuận về thời hạn thì doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ về yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường".

Tại Điều 357 Bộ luật Dân sự quy định: Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: “Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

Ngoài ra, ngày 28/10/2022 Công ty V1 và H2 lập Biên bản giám định số 01. Sau khi xem xét các điều kiện, điều khoản của Đơn bảo hiểm đã cấp, Biên bản giám định, hồ sơ yêu cầu bồi thường... Bảo hiểm Bảo Việt xem xét hồ sơ yêu cầu bồi thường, vào ngày 22/12/2022 đã ban hành Thông báo số 6081/BHBV-GĐBTTSKT về việc thông báo giải quyết bồi thường lần một và đã chi trả bồi thường đợt 1 vào ngày 30/12/2022. Sau đó, do hai bên nhiều lần thương lượng không thành, ngày 02/6/2023 Bảo hiểm H3 có Văn bản số 2304/BHBV-GĐBTTSKT trả lời chính thức không bồi thường toàn bộ hàng hoá gia công bị tổn thất và đề nghị giải quyết tranh chấp tại Tòa án.

Vì vậy, cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu tính lãi của H2 và buộc Bảo hiểm Bảo V phải trả lãi được tính từ ngày 30/12/2022 (ngày Bảo hiểm H3 đồng ý chi trả bồi thường) đến ngày 26/02/2024 (trước ngày xét xử sơ thẩm) với lãi suất 10%/năm, cụ thể: 44.915.158.221 đồng x 0,0274%/ngày x 423 ngày = 5.205.756.668 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 357 BLDS viện dẫn trên, nên HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo này của bị đơn.

### **[2.3] Về xử lý hàng hóa bị tổn thất:**

HĐXX xét thấy: Căn cứ đề xuất Hachiba và đồng ý của Bảo hiểm H3 về giá trị hàng hoá thu hồi là 20.500.000.000 đồng, Công ty V1 đã tính toán, bóc tách giá trị thu hồi đối với hàng hoá thuộc sở hữu của H2 là 3.100.774.780 đồng và giá trị thu hồi đối với hàng hoá gia công là 12.990.880.225 đồng.

Theo quy định tại Điều 47 Luật kinh doanh bảo hiểm: Hình thức bồi thường:  
“1. Bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp B có thể thỏa thuận một trong các hình thức bồi thường sau đây:

- a) Sửa chữa tài sản bị thiệt hại;
- b) Thay thế tài sản bị thiệt hại bằng tài sản khác;
- c) Trả tiền bồi thường.

2. Trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm không thỏa thuận được về hình thức bồi thường thì việc bồi thường sẽ được thực hiện bằng tiền.

3. Trong trường hợp bồi thường theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này, doanh nghiệp bảo hiểm có quyền thu hồi tài sản bị thiệt hại sau khi đã thay thế hoặc bồi thường toàn bộ theo giá thị trường của tài sản”.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định: Giao số hàng hoá sở hữu có giá trị thu hồi là 3.100.774.780 đồng cho Công ty Cổ phần D5. Giao số hàng hoá gia công có giá trị thu hồi là 12.990.880.255 đồng cho Bảo hiểm H3 và các bên phải hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến hàng hóa gia công nêu trên là đúng pháp luật. HĐXX không chấp nhận kháng cáo về nội dung này của bị đơn.

[3] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích nguyên đơn phù hợp với nhận định của HĐXX, nên chấp nhận.

[4] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích bị đơn cho rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm quy định về tiếp cận và công khai chứng cứ, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn mới cung cấp chứng cứ là vi bằng số 341/2023 VB-TPLTT lập ngày 15/8/2023, ghi âm nội dung trình bày của ông T3 là không đúng trình tự thu thập và công khai chứng cứ. HĐXX xét thấy, các bên đương sự đều có quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ trong suốt quá trình giải quyết vụ án và ngay tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ông T3 đều thừa nhận giọng nói của mình được ghi nhận trong vi bằng là đúng, vì vậy HĐXX không chấp nhận quan điểm này của Luật sư.

Ngoài ra, Luật sư cho rằng Công ty G2 Công ty D6 phải tham gia tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Xét thấy, tại cấp sơ thẩm hai Công ty trên đã có đơn trình bày và xác định không có bất kỳ nghĩa vụ hay quyền lợi nào liên quan đến tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm. Vì vậy, cấp sơ thẩm đã có nhận định đây là tranh chấp hợp đồng bảo hiểm, không liên quan đến hai Công ty trên là đúng pháp luật, HĐXX không chấp nhận quan điểm này của Luật sư.

Các nội dung đề nghị khác của Luật sư không phù hợp với nhận định và phân tích trên của HĐXX, nên không chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phù hợp với nhận định của HĐXX, nên chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của Công ty H3 không được chấp nhận, nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 117, 357, 401, 468, 542, 548 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 178 Luật thương mại năm 2005;
- Điều 12, 13, 14, 15, 17, 18, 19, 29, 47 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010);

- Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Tổng Công ty H3.

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2024/KDTM ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần D5 (H2) về việc “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*” đối với bị đơn Tổng Công ty H3.

Buộc Tổng Công ty H3 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần D5 tổng số tiền là 50.120.914.889 (*Năm mươi tỷ, một trăm hai mươi triệu, chín trăm mười bốn ngàn, tám trăm tám mươi chín đồng*), trong đó bao gồm: Tiền bồi thường thiệt hại là: 44.915.158.221 đồng và tiền lãi tính từ 30/12/2022 đến ngày 26/02/2024 là: 5.205.756.668 đồng.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ thi hành án, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

**2. Về xử lý hàng hóa bị tổn thất:**

**2.1.** Giao số hàng hoá sở hữu được tập kết lưu giữ tại các Kho 7, 14, 18, 23 (Kho S27 và Kho Dệt của Công ty Cổ phần D5) có giá trị thu hồi là 3.100.774.780 đồng cho Công ty Cổ phần D5

**2.2.** Giao số hàng hoá gia công được tập kết lưu giữ tại K (Kho Slà hàng thiết là thành phẩm và phụ liệu may và Kho D2 là hàng thiết là nguyên liệu vải của Công ty Cổ phần D5) có giá trị thu hồi là 12.990.880.255 đồng cho Tổng Công ty H3

Tổng Công ty H3 phải chịu các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật liên quan đối với hàng hoá gia công được giao và Công ty Cổ phần D5 phải có trách nhiệm hỗ trợ về các thủ tục pháp lý liên quan đến hàng hóa gia công nêu trên.

**3. Về chi phí tố tụng:**

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) và chi phí dịch thuật là 1.140.000đ (*Một triệu, một trăm bốn mươi ngàn đồng*) Công ty Cổ phần D5 tự nguyện chịu (đã nộp và chi phí xong).

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Tổng Công ty H3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 158.120.914 đồng (*Một trăm năm mươi tám triệu, một trăm hai mươi ngàn, chín trăm mười bốn đồng*).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 134.155.121đ (*Một trăm ba mươi tư triệu, một trăm năm mươi năm ngàn, một trăm hai mươi một đồng*) cho Công ty Cổ phần D5 đã nộp theo biên lai thu số 0000176 ngày 07/7/2023 và 0000257 ngày 15/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

5. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: **Tổng Công ty H3** phải chịu là 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0001076 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. **Tổng Công ty H3** đã nộp đủ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận T;
- TAND quận T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thúy Năng**